

# Gốm Việt Nam trong thương mại biển Châu Á thế kỷ XVII

BÙI MINH TRÍ

## Lời mở đầu

Trong lịch sử giao thương biển, ngoài tơ lụa, hương liệu, gốm sứ là mặt hàng rất quan trọng. Ngay từ thế kỷ thứ IX, đồ gốm sứ đã chính thức tham gia vào mạng lưới thương mại biển và hình thành “con đường gốm sứ trên biển” trong cái nôi của “con đường tơ lụa”. Gốm Trường Sa (Trung Quốc) và gốm Islam (Tây Á) đóng vai trò khai thông con đường này, cũng từ đó con đường “gốm sứ trên biển” đã mở ra những triển vọng mới cho ngành chế tạo đồ sứ tại chính quốc và các nước trong khu vực.

Hoạt động thương mại biển ngày càng được mở rộng và phát triển, cùng với sự lớn mạnh của ngành hàng hải. Đặc biệt từ thế kỷ XVI, sau khi người Bồ Đào Nha khám phá ra tuyến đường hàng hải qua mũi Hảo Vọng, thiết lập hệ thống buôn bán với Ấn Độ, Trung Quốc và khu vực Viễn Đông, viễn cảnh mới về mối quan hệ giao thương giữa phương Đông và phương Tây đã được mở ra. Đồ gốm sứ Châu Á, bao gồm đồ gốm sứ Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản đã có những góp quan trọng vào hoạt động đó, góp phần tạo ra những bước ngoặt lớn trong lịch sử giao lưu kinh tế, văn hóa giữa phương Đông và phương Tây.

Từ thế kỷ XIV, cùng với sự phát triển mạnh của ngành công nghệ chế tạo đồ gốm, Việt Nam đã chính thức tham gia vào mạng lưới thương mại quốc tế, trong cùng bối cảnh thị trường với đồ sứ Trung Quốc. Trong thế kỷ XV, Việt Nam tiếp tục xuất khẩu một số lượng lớn đồ gốm sứ cao cấp ra thị trường quốc tế.

Trong thời kỳ “đại thương mại” - thế kỷ XVII, nhiều mặt hàng gốm sứ của Bắc Việt Nam (còn được gọi là Bắc kỳ - Tokin - Đàng

Ngoài) đã từng được đem đi tiêu thụ tại nhiều nước ở Đông Nam Á, Đông Á và Châu Âu bởi thương thuyền của người Hoa, người Nhật hay các công ty Châu Âu. Đây là vấn đề hấp dẫn, được nhiều người quan tâm và từng được nhiều tư liệu nói đến. Nhưng xung quanh vấn đề đó vẫn có rất nhiều câu hỏi còn đang bỏ ngỏ bởi sự thiếu hụt tư liệu, ví dụ như: loại hình của những sản phẩm đồ gốm Việt Nam xuất khẩu đó là gì? Chất lượng của nó ra sao? Nó được sản xuất ở đâu và niên đại của chúng như thế nào?...

Để phần nào giải đáp vấn đề trên, thông qua những ký sự đương thời và những tư liệu đồ gốm Việt Nam phát hiện được tại các di tích khảo cổ học ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á và Nhật Bản, bài viết này sẽ đề cập đến một số vấn đề về giao thương của gốm Việt Nam trong hệ thống thương mại biển quốc tế giai đoạn thế kỷ XVII. Đồng thời, từ những kết quả nghiên cứu so sánh các loại hình đồ gốm khai quật được tại các di chỉ sản xuất, các di tích khảo cổ học, bài viết cũng sẽ đưa ra những nhận xét về loại hình, nguồn gốc và niên đại của đồ gốm Việt Nam xuất khẩu trong bối cảnh chung của quốc tế và khu vực.

## 1. Việt Nam trong hoạt động thương mại biển Châu Á thế kỷ XVII

Thế kỷ XVII, có rất nhiều bằng chứng khẳng định rõ việc xuất khẩu đồ gốm của Việt Nam ra thị trường nước ngoài cùng những thành tựu rất đáng kể. Về nguyên nhân chủ quan, trước hết phải nói tới chính sách ngoại thương có phần “mở cửa” của nhà nước phong kiến Đại Việt, dưới thời Trịnh -

Bùi Minh Trí, TS, Viện Khảo cổ học.

Nguyễn. Nguyên nhân khách quan, đó là sự ra đời và phát triển của các công ty hàng hải quốc tế vào đầu thế kỷ XVII, như Công ty Đông Ấn Hà Lan. Thuyền buôn của các công ty này đã tiến hành những cuộc viễn du sang phương Đông tìm kiếm thị trường, đặt thương điểm và mở rộng mạng lưới buôn bán tại các nước trong khu vực Châu Á.

Đọc ven biển Việt Nam thời kỳ này đã hình thành nhiều thương cảng với kết cấu kinh tế như các thị trấn, như thương cảng Thanh Hà (xứ Huế), Hội An (xứ Quảng), Nước Mặn (Bình Định), Phố Hiến (Hưng Yên), Kinh Kỳ - Kẻ Chợ (Thăng Long). Đây là những cửa ngõ thông thương với nước ngoài của Đại Việt. Tại các thương cảng này, nhiều mặt hàng đã được bán buôn trao đổi, bao gồm các sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp, trong đó có đồ gốm sứ (*Bùi Minh Trí, 1994b; Đỗ Bang, 1996*).

Các thương nhân người Hoa là khách hàng thường xuyên đến buôn bán tại các thương cảng Đại Việt. Họ đã được các chúa Nguyễn (Đàng Trong) và chúa Trịnh (Đàng Ngoài) cho phép lập những khu phố riêng để buôn bán, gọi là Minh Hương (làng của người Minh). Các thương nhân Nhật Bản, ngay từ thế kỷ XVI cũng đã được các chúa Nguyễn cho lập phố riêng ở Hội An. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) còn gả con gái cho một thương nhân Nhật Bản. Tuy nhiên, thời kỳ buôn bán thịnh đạt nhất của Nhật Bản với Đại Việt là ba thập niên đầu của thế kỷ XVII, thời kỳ mà lịch sử Nhật Bản gọi là *Shuisen* (Châu Ấn thuyền). Số thuyền Nhật được cấp giấy phép chính thức đến buôn bán ở Đại Việt từ năm 1604 đến năm 1635 là 120 thuyền, trong đó có 47 thuyền đến Đàng Ngoài và 73 thuyền đến Đàng Trong. Thông qua các lái buôn, các chúa Trịnh và chúa Nguyễn đều có thư từ quan hệ với Mạc phủ Tokugawa trao đổi về việc tăng cường quan hệ buôn bán giữa hai nước. Theo một số nhà nghiên cứu Nhật Bản, trong tổng số kim gạch xuất - nhập khẩu của Nhật Bản qua hai trung tâm

thương mại lớn là Hirado và Nagasaki cho đến trước năm 1640 thì số hàng hóa buôn bán với Đại Việt chiếm 10%. Mặt hàng người Nhật thường chở đến Đại Việt là bạc, đồng, khí giới. Họ mang về chủ yếu là tơ tằm, hương liệu, đường và đồ gốm sứ. Cho dù sau khi Mạc phủ (Shogun) ban hành lệnh tỏa quốc (Sakoku) hạn chế ngoại thương năm 1639, Nhật Bản vẫn tiếp tục buôn bán với Đại Việt thông qua các tàu buôn của người Trung Quốc và Hà Lan.

Một điểm nữa cần lưu ý là, ngoài việc cho các lái thương người Hoa và Nhật Bản ngụ cư thành phố tại các thương cảng, các chúa Trịnh và chúa Nguyễn còn cho phép các lái thương phương Tây đến lập thương điểm tại đó. Cụ thể là năm 1636, chúa Nguyễn đã cho phép Hà Lan lập thương điểm ở Hội An. Chính quyền chúa Trịnh cũng có nhiều chính sách ưu tiên cho Hà Lan với mong muốn nhận được sự viện trợ của quân đội Hà Lan cho Đàng Ngoài trong cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn. Năm 1637, chúa Trịnh đã cho phép Hà Lan lập thương điểm ở Phố Hiến (Hưng Yên) và sau đó lại cho lập thương điểm thứ hai ở Thăng Long (nay là Hà Nội) vào năm 1645.

Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC: Vereenigde Oost-Indische Compagnie), thành lập năm 1602 là một công ty được Nhà nước Hà Lan đỡ đầu với nhiều quyền lợi ưu tiên, nhất là độc quyền mậu dịch ở miền Đông mũi Hảo Vọng. Mục tiêu chính của công ty này là giành được một vị trí trong mối quan hệ mậu dịch có thể mang lại lợi nhuận lớn nhờ buôn bán gia vị, các sản phẩm dệt, kim loại quý, đồ gốm sứ được sản xuất tại các nước Ba Tư, Ấn Độ, Malaixia, Indônêxia, Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam.

Đặc biệt đối với mặt hàng gốm sứ, VOC đã tìm cách đáp ứng nhu cầu cao của phương Tây về những sản phẩm đặc trưng như bình đựng mù tạt, muối và cốc uống bia bằng cách cung cấp cho các lò gốm ở đại lục Trung Quốc những mẫu từ trụ sở của công ty ở Formasa (nay là Đài Loan). Họ đã thu

được nguồn lợi nhuận rất lớn. Do vậy, từ đầu năm 1633, những đồ sứ sản xuất cho phương Tây đã trở thành một phần quan trọng của đồ sứ xuất khẩu Trung Quốc, được chế tác dựa theo những mẫu bằng gỗ, thủy tinh do VOC cung cấp.

Bên cạnh việc buôn bán với phương Tây, VOC đã mở rộng hoạt động mậu dịch buôn bán đồ gốm sứ của Trung Quốc sang thị trường Đông Nam Á, đồng thời tiến hành thu mua hàng hóa tại các nước này. Riêng đối với Đại Việt, sau khi lập thương điểm ở Phố Hiến và Kẻ Chợ (Kechó), nhờ chính sách ưu đãi của các chúa Trịnh, nên công việc làm ăn buôn bán của VOC khá phát đạt. Liên tiếp nhiều năm tàu buôn của VOC đã đến Phố Hiến, Kẻ Chợ để mua hàng hóa, chủ yếu là tơ sống và vải dệt từ tơ tằm như lụa, lĩnh.

Rõ ràng, thông qua các thương nhân nước ngoài, hoạt động mậu dịch gốm sứ đã diễn ra khá sôi nổi tại các thương cảng Đại Việt. Nhiều tàu thuyền Trung Quốc, Nhật Bản và VOC đã cập bến bán buôn tại đây với nhiều mặt hàng, trong đó có đồ sứ của Trung Quốc và Nhật Bản. Theo ghi chép của VOC, từ năm 1650 đến năm 1679 có 13.850 đồ sứ Nhật Bản được xuất sang Tonkin (Đông Kinh) qua các thương quán Hà Lan ở đây. Trong số đó, có nhiều mặt hàng do chúa Trịnh Tạc (1657-1682) đặt mua. Mặt hàng nhiều nhất là bát, chiếm gần một nửa số lượng, thứ hai là đĩa, thứ ba là lọ. Cũng theo ghi chép này, thì thuyền Trung Quốc đã chuyên chở 7.100 đồ sứ Nhật Bản từ cảng Nagashaki sang Quảng Nam (Trung Việt Nam) rồi tới Batavia (Indônêxia). Đáng lưu ý là vào năm 1676, có một thuyền Đài Loan đã sang Nhật Bản mua 96.610 đồ sứ đem về bán tại Kinh thành Thăng Long lúc đó gọi là Đông Kinh (Tonkin). Trong số này, nhà Vua (Lê Hy Tông, 1676 -1705, TG) mua 7.000 cốc vẽ rồng, 2.000 cốc loại nhỏ hơn, 7.000 đĩa, 1.000 chén uống rượu bé, 10 đĩa lớn, 10 bình có quai, 500 cốc gốm thô, 200 chén trà. Quan Tổng trấn (chúa Trịnh - TG) mua: 5.000 cốc, 1.000 cốc loại nhỏ hơn, 3.000 đĩa dùng cho

tiệc trà, 400 chén uống rượu nhỏ, 5 đĩa lớn, 40 bình, 600 đĩa vẽ rồng (Volker, 1971).

Đồ sứ Nhật Bản nói đến ở đây chính là đồ sứ Hizen được sản xuất tại vùng Arita trên đảo Kyushu (*Hizen Wares Abroad, 1990*).

### 2. Bối cảnh thâm nhập thị trường của gốm Việt Nam

Hoạt động buôn bán đồ sứ của VOC cung cấp cho thị trường Châu Âu phụ thuộc rất nhiều vào nguồn cung cấp gốm sứ của Trung Quốc. Đặc biệt từ giai đoạn sau năm 1630, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng đồ sứ của VOC bị sa sút, bởi sự đình trệ của ngành sản xuất gốm sứ ở Trung Quốc do rối loạn chính trị. Năm 1644, nhà Thanh lật đổ nhà Minh và 20 năm sau đó diễn ra cuộc nội chiến chống lại các thế lực phục Minh, đã phá hủy nền thủ công gốm sứ Trung Quốc, nhất là trung tâm Cảnh Đức Trấn, gây ra sự khan hiếm hàng gốm sứ ở Netherlands (Hà Lan) và khu vực Châu Á. Theo một số báo cáo thì sau năm 1647 đồ sứ chất lượng cao Trung Quốc hầu như vắng bóng trên thị trường quốc tế. Sự suy yếu của các lò gốm sứ Cảnh Đức Trấn dẫn đến một xu hướng tất yếu của sự bùng phát các lò sứ ven biển Phúc Kiến, Quảng Đông. Nhưng chất lượng gốm của các lò này thấp hơn nhiều so với Cảnh Đức Trấn và chủ yếu xuất khẩu sang Đông Nam Á và Đông Á dưới sự điều phối của thế lực họ Trịnh (Trịnh Thành Công).

Trong bối cảnh đó, VOC đã nỗ lực tìm kiếm nguồn hàng thay thế bằng việc chuyển hướng sang Nhật Bản mua đồ sứ Hizen. Từ năm 1641, VOC đã lập thương điểm ở Dejima (Nagasaki) thu mua đồ sứ Hizen để xuất khẩu sang các nước Đông Nam Á qua các thương điểm Zeelandia (Đài Loan) và Batavia (Indônêxia). Cùng thời gian này, đồ sứ hoa lam Nhật Bản cũng đã nhanh chóng giành được sự ưa chuộng ở Netherlands, từ đó dẫn đến sự mở rộng sản xuất và chuyên biệt hóa sản phẩm của nhiều lò gốm ở Arita. VOC đã đặt các thợ gốm Arita sản xuất theo mẫu và ghi ký hiệu VOC để chuyển về bán tại Châu Âu.

Đáng lưu ý là trong số lượng lớn đồ sứ Hizen xuất khẩu sang thị trường Đông Nam Á giai đoạn này có rất nhiều sản phẩm được làm phỏng theo phong cách đồ sứ Trung Quốc, đặc biệt là việc ghi niên hiệu các triều vua Trung Quốc dưới đây sản phẩm, như “Đại Minh Thành hóa niên chế”, “Đại Minh Gia Tĩnh niên chế” hay “Đại Minh”, “Thành hóa”. Trong nhiều di tích khảo cổ học ở Việt Nam, Thái Lan, Indônêxia hiện nay người ta đã đào được nhiều sản phẩm gốm này. Nhưng do không biết hiện tượng đặc biệt đó của đồ sứ Hizen, nên không ít trường hợp đã có sự nhầm lẫn khi xếp những đồ sứ này vào hệ thống đồ sứ Trung Quốc (Bùi Minh Trí 1994b; Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân 1994).

Như vậy rõ ràng rằng, sự khan hiếm của đồ sứ Trung Quốc do biến động lịch sử nêu trên đã tạo ra cơ hội cho đồ sứ Nhật Bản lần đầu tiên trong lịch sử được xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Trong bối cảnh này, nhiều thuyền buôn của Trung Quốc đã sang Nhật Bản cất hàng và đem đi tiêu thụ tại Đông Nam Á với số lượng lớn. Tuy nhiên, hoạt động buôn bán đồ gốm chất lượng cao của VOC tại Nhật Bản về Châu Âu sau đó cũng bị suy thoái do giá nhập khẩu tại Nhật Bản quá cao và cơ bản chấm dứt sau năm 1665.

Trong cùng thời gian trên, năm 1661, trước sức ép ngày càng tăng của triều đình Mãn Thanh, thế lực phản Thanh phục Minh của Trịnh Thành Công đã phải dời bỏ miền Đông Nam Trung Quốc ra chiếm Đài Loan từ tay Hà Lan. Đồng thời, để quyết tâm loại bỏ thế lực họ Trịnh, nhà Thanh đã ban hành lệnh đóng cửa ngoại thương, sơ tán dân cư miền duyên hải để cô lập họ Trịnh, tiến tới bình định Đài Loan. Lệnh cấm này kéo dài hơn 20 năm (1660-1684) cho đến khi hoàn toàn dẹp được Trịnh Thành Công tại Đài Loan năm 1683. Sự kiện này đã làm cho hoạt động buôn bán đồ sứ thô từ các lò gốm của tỉnh Phúc Kiến và Quảng Đông sang Đông Nam Á do thế lực

họ Trịnh điều phối trước năm 1661 bị gián đoạn, tiếp tục gây ra sự khan hiếm đồ sứ Trung Quốc trên thị trường khu vực.

Trước tình hình trên, tương tự như trường hợp đồ sứ Hizen, VOC và các thương nhân Trung Quốc đã tìm đến thị trường Bắc Việt Nam thu mua đồ gốm sứ làm nguồn thay thế cho sự thiếu hụt của đồ sứ Trung Quốc. Tuy nhiên cũng cần nói ngay rằng, trước thập niên 60, đồ gốm Bắc Việt Nam đã từng được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Đông Nam Á, nhưng số lượng không đáng kể (Bùi Minh Trí, 2003).

Kết quả nghiên cứu khảo cổ học trong nước cho thấy, từ nửa đầu thế kỷ XVII, có hiện tượng sản xuất tăng vọt về số lượng các mặt hàng gốm tại các di chỉ lò gốm ở Bắc Việt Nam. Trong số đó có rất nhiều sản phẩm giống như đồ gốm đã xuất khẩu mà hiện nay người ta đã tìm được tại Nhật Bản và các quốc đảo ở Đông Nam Á. Từ bằng chứng này và dựa vào những ghi chép đương thời cho thấy, sự khan hiếm của mặt hàng đồ sứ Trung Quốc trên thị trường Đông Nam Á khi đó là một trong những nhân tố quan trọng kích lệ các trung tâm sản xuất gốm ở Bắc Việt Nam phát triển bằng việc mở rộng qui mô và sản xuất nhiều mặt hàng để tung ra thị trường, bù đắp sự thiếu hụt đó (Bùi Minh Trí, 1994a 2001).

### 3. Số lượng, mặt hàng gốm Việt Nam xuất khẩu

Bằng chứng tin cậy đầu tiên cho biết chính xác về việc xuất khẩu của đồ gốm sứ Bắc Việt Nam trong thời điểm từ khoảng thập niên 30 của thế kỷ XVII là những ghi chép của VOC: “Năm 1634, thương lái Hà Lan đã cùng chuyến buôn với tơ lụa, cất tới 24.720 đồ gốm loại đẹp tốt. Năm 1670, tàu Hà Lan mua mang đi 214.160 sản phẩm gốm của Đàng Ngoài” (Volker T, 1971).

Hồi ký của Dampier trong “Một chuyến đi Đàng Ngoài 1688”, cũng ghi lại rằng “bát

đĩa bằng sứ của xứ này (Bắc Kỳ - TG) thường có màu xám hay màu tro. Họ sản xuất ra nhiều loại bát, chén to, miệng loe ra như vậy để chồng được nhiều lên nhau. Người Âu châu (Hà Lan - TG) thường mua các loại bát chén này để mang đi bán ở các xứ Mã Lai, Nam Dương, Ấn Độ... như thuyền trưởng Pool trong chuyến đi đầu tiên đến xứ này, đã mua một trăm nghìn cái bát để mang đi bán tại Batavia, sau đó lại bán tại Bencoli ở Sumatra được giá hời hơn. Thuyền trưởng Weldon mua ba, bốn chục nghìn chiếc mang về pháo đài Saint George tại Ấn Độ" (*Dampier, 1909*).

Cũng theo hồ sơ của VOC, thì năm 1670 có một con tàu đi về Banda mang theo 89.000 cốc Việt Nam. Cùng năm đó 8.000 cốc Việt Nam cũng được chở đi Amboina. Một mục nhập sổ tại Amboina cho biết hàng hóa tại Honima bao gồm 8.138 cốc Việt Nam, 3 lọ to, 36 đĩa Nhật và 4 bát Ba Tư. Văn phòng tại Haruka có tồn kho 2.335 cốc trà Việt Nam. Tại Hila có 7.836 cốc Việt Nam. Vào năm 1675, sổ sách Amboina ghi hàng tồn kho tại Honima bao gồm 1.042 cốc Việt Nam, 16 đĩa Nhật nhỏ, 28 đĩa Nhật to và 3 cái bình Ba Tư (*Volker T, 1954*).

Những thông tin được lược trích từ các nguồn tài liệu của VOC tại Hà Lan do Hoàng Anh Tuấn thực hiện trong những năm gần đây cho biết rõ rằng, trong giai đoạn từ 1663 -1681, có khoảng trên 1,5 triệu đồ gốm sứ Bắc Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Đông Nam Á, chiếm khoảng 30% tổng số xuất khẩu, trong khi Nhật Bản là 33%, Trung Quốc 36%, Trung Cận Đông 1% (*Hoàng Anh Tuấn, 2007*). Tuy nhiên, số lượng thực tế mà đồ gốm Bắc Việt Nam xuất khẩu trong giai đoạn này chắc chắn còn cao hơn rất nhiều, bởi vì trong tài liệu này có nhiều chuyến hàng không ghi số lượng cụ thể (*xem bảng 1*). Cũng từ nguồn tư liệu này chúng ta biết rằng, sản phẩm gốm sứ Bắc Việt Nam được xuất khẩu nhiều nhất là năm 1669 và 1670. Trong hai năm này có tới ít nhất

772.600 đồ gốm sứ được chở sang Batavia. Sau đó, từ thương điểm Batavia đồ gốm thô của Bắc Việt Nam được tái xuất khẩu sang Westkust, Amboina, Banda, Timor, Gresik, Palembang, Aracan, Banjer, Pakalongen... (*xem bảng 2*).

Cũng dựa vào tư liệu của VOC nêu trên, thì loại hình sản phẩm gốm Bắc Việt Nam xuất khẩu chủ yếu là chén, cốc, bên cạnh đó có cả ngói lợp. Mặt khác, hồ sơ VOC cũng không nói gì về trang trí trên gốm. Thông tin hiếm hoi từ mô tả của thuyền trưởng Alexander Hamilton trong tạp chí *Du lịch* cho biết, gốm xuất khẩu của Đông Kinh thô và hoa văn vẽ không khéo tay (*Alexander Hamilton, 1995*). Những thông tin này không đầy đủ và dường như rất khác so với tư liệu đồ gốm phát hiện được tại các di tích khảo cổ học ở Đông Nam Á và Nhật Bản nêu dưới đây.

Trong khu vực Đông Nam Á, loại gốm thô Bắc Việt Nam đã được tìm thấy tại di tích Pukisutosanion ở Malaixia và một số di tích ở Indônêxia như Euku trên đảo Sumatra và Banten Lama ở miền Tây Java. Đáng lưu ý nhất là những phát hiện ở Banten Lama (xưa là Banten). Đây là một thương cảng nổi tiếng của vương quốc Hồi giáo Banten, có vai trò như đầu mối và trở thành thị trường buôn bán quan trọng nhất của người Trung Quốc trên đảo Java. Tại di tích này, cuộc khai quật năm 1976, người ta đã phát hiện được 25.076 mảnh gốm sứ các loại, với nhiều niên đại và nguồn gốc khác nhau. Trong đó, có số lượng lớn và chủ yếu là gốm Trung Quốc, ít hơn là gốm Hizen. Cuối những năm 90, khi nghiên cứu lại sưu tập gốm này, các chuyên gia Nhật đã nhận ra trong số gốm đó có một số lượng nhỏ là đồ gốm Việt Nam. Theo báo cáo của Ohashi Koji và Sakai Takashi, thì gốm Việt Nam ở Banten chủ yếu loại bát nhỏ, chân đế rộng, trang trí vân in bông hoa cúc (có 67 chiếc), có cùng niên đại với gốm Hizen, khoảng cuối thế kỷ XVII, (*Ohashi Koji and Sakai Takashi, 1999*).

Tại Nhật Bản, những loại bát Việt Nam tương tự như Banten cũng đã được tìm thấy trong rất nhiều di tích, nhiều nhất là Nagasaki, sau đó là Osaka, Sakai, Hakata và Edo. Bằng chứng cụ thể là tại di chỉ thành Osaka, ở khu phố Dosho và Semba, trong một địa điểm người ta đã tìm được hơn 10 chiếc bát in hoa văn bông cúc nằm trong tầng đất tro bị cháy vào năm 1708 hoặc vào năm 1724. Tại Nagasaki, ngoài loại bát in bông hoa cúc, người ta còn tìm thấy khá nhiều loại "đĩa giạt cấp" và bát nhỏ vẽ lam đơn giản. Những di vật này được xác định niên đại vào khoảng nửa đầu thế kỷ XVII (*Mori Tsuyoshi, 1999*). Ở Sakai, ngoài loại bát men trắng nói trên, họ còn tìm thấy loại đĩa nhỏ vẽ lam hình cành lá đơn giản. Theo Tsuzuki Shinichiro thì những mảnh đĩa này được tìm thấy ở tầng đất có niên đại khoảng từ năm 1615 đến năm 1630 (*Tsuzuki Shinichiro, 1999*).

Đặc biệt lưu ý là trong nhiều địa điểm khảo cổ tại Nagasaki, như di tích Kanayamachi, ngoài việc tìm thấy khá phổ biến các loại bát, đĩa nêu trên, ở đây còn phát hiện được nhiều đồ gốm Việt Nam quý hiếm. Đó là loại bát sâu lòng mà hình dáng của nó giống như chiếc bát vẽ con chuồn chuồn nổi tiếng nêu dưới đây, nhưng bên ngoài vẽ hình con tôm; các loại đĩa cỡ trung bình, có miệng tạo khắc hình cánh hoa, trong lòng vẽ hình rồng uốn lượn hoặc những cánh diều đang bay vi vút trên bầu trời với nét vẽ rất sống động. Đặc sắc nhất ở đây là chiếc đĩa vẽ những "cánh diều" bên trong lòng và thành ngoài. Những cánh diều này có hình dáng giống con cá đuối, khác hẳn với hình dáng cánh diều truyền thống của Việt Nam là có hình chiếc lá. Sự khác biệt độc đáo đó đưa đến giả thuyết rằng, phải chăng đây là những cánh diều kiểu Nhật Bản? Nếu đúng như vậy thì đây sẽ là tư liệu mới khẳng định về mặt hàng đặt của người Nhật đối với đồ gốm Bắc Việt Nam trong giai đoạn này.

Chúng ta nhớ lại bối cảnh khi đó là trà đạo ở Nhật Bản rất thịnh hành. Trong nghi

lễ trà đạo, người ta đã sử dụng nhiều loại đồ gốm gọi là trà cụ như các loại bát để uống trà (bát trà - *chawan*). Đặc trưng của những đồ gốm này là sự giản dị, tinh tế không hào nhoáng, phô trương. Có lẽ tầng lớp thương gia, quý tộc Nhật Bản đã cảm nhận được những nét đẹp tinh tế từ sự mộc mạc của gốm Việt Nam nên đã mua hoặc đặt hàng làm tại Bắc Việt Nam nhiều đồ gốm để sử dụng trong trà đạo. Một trong nhiều minh chứng sáng giá nhất về bối cảnh đó là chiếc bát sâu lòng vẽ chuồn chuồn hiện đang lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Mỹ thuật Nezu, Tokyo. Tương tự như vậy là trường hợp chiếc bình và liễn trang trí hình rồng vẽ lam dưới men hoặc đắp nổi rất đẹp của Việt Nam hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Quốc gia Kyoto. Hai hiện vật này vốn là bảo vật của gia đình Ozawa Shirozaemon, nguyên là một thương gia, chủ một tàu từng sang buôn bán tại Bắc Việt Nam. Chuyến cuối cùng ông đến Bắc Việt Nam là năm 1638, trước thời điểm Mạc phủ Tokugawa ban hành chính sách tỏa cảng, cấm thuyền Nhật ra nước ngoài buôn bán (*Namban and Shimamono, 1993; John Stevenson and John Guy, 1997*).

Còn rất nhiều minh chứng khác nói về điều này, nhưng ở đây xin lưu ý rằng, đặc điểm quan trọng và cũng là nét độc đáo nhất của những đồ gốm Việt Nam dùng trong trà đạo Nhật Bản là đường nét hoa văn thường bị chảy nhòe do nhiệt độ nung, tạo nên vẻ đẹp ngẫu nhiên, lung linh và lạ lẫm. Tất cả những đồ gốm nêu trên, bao gồm chiếc bát vẽ chuồn chuồn, bình và liễn của gia đình Ozawa hay các tiêu bản gốm quý ở Kanayamachi đều thuộc loại này. Hiện tượng kỹ thuật độc đáo đó ban đầu có thể là do ngẫu nhiên (hỏa biến), nhưng đã làm cho giới quý tộc Nhật yêu thích. Từ đó, những đồ gốm có hoa văn men chảy đã trở thành món hàng rất có giá trị, được những thợ gốm khéo tay vùng xứ Đông (Hải Dương) chủ động sản xuất để chuyên bán cho thị trường Nhật Bản. Mặc dù đây mới chỉ là giả thiết, nhưng có điều chắc chắn

ràng, trong những sưu tập đồ gốm Việt Nam dùng trong trà đạo còn lại ở Nhật Bản hiện nay được coi là hiếm quý, có giá trị thường là những đồ có hoa văn men chảy (*xem sưu tập hiện vật trong Namban and Shimamono, 1993*).

Các loại gốm thông thường khác, như các loại bát men trắng, bát in văn bông hoa cúc nhỏ hình mặt trời, các loại đĩa vẽ cảnh lá cách điệu nói ở trên, thì lại có phong cách như những đồ gốm dùng trong nội địa. Cũng đã có ý kiến đặt ra về tính năng sử dụng của loại bát, đĩa này, nó có được dùng trong nghi lễ trà đạo hay không. Dựa vào phẩm cấp và tính phổ biến rộng rãi của nó, có thể đồng ý với quan điểm của Mori Tsuyoshi khi cho rằng, những sản phẩm gốm đó được du nhập và buôn bán như một đồ dùng bình thường, được sử dụng trong bữa ăn (*Mori Tsuyoshi, 1999*).

Các loại bát nhỏ men trắng in bông cúc hay vẽ cảnh lá cách điệu màu xanh đen nói đến ở đây cũng mới được phát hiện tại Đài Loan (đây là thông tin mới nhất do Tiến sĩ Lưu Thái Khang (Lu Taikang) cung cấp).

Như vậy rõ ràng rằng, nếu chỉ dựa vào những ghi chép của VOC, chúng ta thấy hình ảnh của đồ gốm sứ Bắc Việt Nam xuất khẩu trong giai đoạn này là rất mờ nhạt và quá đơn điệu, chủ yếu là cốc, chén mà thôi. Nhưng từ các bằng chứng của khảo cổ học nêu trên, không những đã vén mở những điều còn bí ẩn về loại hình, hoa văn trang trí của gốm Việt Nam xuất khẩu mà còn phản ánh sự phong phú, đa dạng của nhiều loại gốm cùng những bối cảnh cụ thể của nó trong đời sống xã hội đương thời. Có lẽ, thuật ngữ chén và cốc mà VOC sử dụng bao gồm lẫn lộn các loại bát nhỏ lòng rộng in văn bông hoa cúc hoặc vẽ cảnh lá đơn giản. Vì, loại hình chén hay cốc cho đến nay dường như chưa có thông tin cụ thể từ khảo cổ học.

Một điểm nữa có thể thấy rõ ràng, sản phẩm đồ sứ vẽ lam dưới men và đồ sứ vẽ nhiều màu trên men của Trung Quốc và

Nhật Bản là mặt hàng rất được thị trường phương Tây ưa chuộng, bởi vẻ đẹp lạ lùng, được trang trí tinh xảo và vệ sinh. Nhưng những sản phẩm gốm sứ xuất khẩu của Việt Nam lại chủ yếu là loại gốm thô men trắng trang trí hoa văn đơn giản, không tinh xảo và có chất lượng cao như đồ sứ của Trung Quốc hay Nhật Bản. Tuy thế, vẻ đẹp mộc mạc và sự tinh tế của gốm Việt Nam do thích ứng thẩm mỹ với trà đạo nên đã được thị trường Nhật Bản rất ưa chuộng. Những loại gốm xuất sang Nhật Bản để dùng trong trà đạo thường có chất lượng vượt trội so với những sản phẩm gốm bán đại trà trên thị trường Đông Nam Á lúc đó. Nó có hình dáng khá đẹp, được trang trí hoa văn vẽ lam đen hay kết hợp vẽ lam và đắp nổi, với các đồ án như linh thú (rồng), động vật (hươu, nai), côn trùng (chuồn chuồn, bướm bướm) hay hoa lá (hoa cúc, phong lan...) và được thể hiện khá sinh động, mang tính nghệ thuật cao.

Dường như người ta không thể tìm thấy những yếu tố phương Tây trên đồ gốm Việt Nam cả hình dáng và phong cách trang trí. Điều này hoàn toàn khác với đồ sứ Trung Quốc và Nhật Bản. Để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu sang phương Tây, Trung Quốc và Nhật Bản đã sản xuất nhiều loại gốm theo mẫu của VOC cung cấp. Cho dù trong số đó có nhiều mặt hàng vẫn được trang trí theo phong cách truyền thống, nhưng hình dáng của nó mang đậm phong cách Châu Âu. Trên đồ sứ Trung Quốc, ta bắt gặp nhiều đồ án vẽ người và hình ảnh lâu đài Châu Âu. Trên đồ sứ Nhật Bản, nhiều loại đĩa được làm theo phong cách đồ Kraak<sup>(\*)</sup> giữa lòng ghi VOC.

(\*) Đồ Kraak: tên gọi của người Hà Lan. Tên gọi này xuất phát từ sự kiện người Hà Lan tấn công bắt giữ một tàu buôn Bồ Đào Nha chở đồ sứ Trung Quốc năm 1604. Tàu Bồ Đào Nha có dáng hình vuông gọi là carrack (tiếng Bồ Đào Nha), nên Hà Lan gọi đồ sứ được chở trên con tàu này là đồ Kraak (tiếng Hà Lan). Sau này đồ Kraak dùng để chỉ loại đồ sứ của Trung Quốc hay Nhật Bản có đồ án trang trí phân mảng, hoa văn nằm trong các khung đường viền tạo thành nhiều khối trang trí riêng biệt.

#### 4. Lò sản xuất và niên đại đồ gốm Việt Nam xuất khẩu

Qua những thông tin nêu trên, chúng ta phân nào hiểu được bối cảnh tham gia của gốm Bắc Việt Nam trong hoạt động mậu dịch của khu vực Châu Á thế kỷ XVII. Nhưng có một vấn đề quan trọng được đặt ra là những đồ gốm xuất khẩu đó được sản xuất ở đâu?

Trước đây, mặc dù chưa được tiếp xúc trực tiếp những sưu tập hiện vật thật phát hiện được tại các di tích khảo cổ học ở Đông Nam Á và Nhật Bản nêu trên, nhưng qua nghiên cứu tư liệu ảnh, bản vẽ từ các đồng nghiệp nước ngoài, có thể đưa ra nhận xét rằng, những đồ gốm xuất khẩu đó phần lớn là sản phẩm của lò gốm Hợp Lễ, Cậy và Bát Tràng. Hợp Lễ, Cậy là hai làng gốm cổ khá nổi tiếng thời Lê (thế kỷ XV-XVIII) nằm ở bên hữu sông Đò Đáy, thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương; còn Bát Tràng là trung tâm gốm nổi tiếng, có từ thời Trần (thế kỷ XIV) và hoạt động kéo dài đến tận ngày nay, nằm bên hữu sông Hồng, nay thuộc Thành phố Hà Nội (*Bùi Minh Trí, 2001; Bùi Minh Trí, Kerry-Nguyên Long, 2001*).

Nghiên cứu những sưu tập đồ gốm sứ Việt Nam thế kỷ XVII đào được tại di tích Hakata, Nagasaki, so sánh về chất liệu, men và kỹ thuật tạo chân đế, thấy rõ rằng; các loại bát nhỏ in hoa văn bông hoa cúc hình mặt trời, loại bát nhỏ vẽ rồng và loại đĩa vẽ cảnh lá đơn giản là sản phẩm của lò gốm Hợp Lễ và Cậy. Đối với loại liễn và bình của gia đình Ozawa có thể là sản phẩm của lò gốm Bát Tràng. Loại bát vẽ chuồn chuồn cũng từng có nhiều ý kiến suy đoán là sản phẩm gốm Bát Tràng. Nhưng qua nghiên cứu trực tiếp sưu tập gốm tại di tích Kanaya-machi nêu trên, có thể cho rằng phần lớn các sưu tập bát, đĩa dùng trong trà đạo Nhật Bản là sản phẩm của lò gốm Hợp Lễ (*Bùi Minh Trí, 2001*).

Điều cuối cùng là vấn đề niên đại của đồ gốm Việt Nam xuất khẩu. Nếu dựa vào

những ghi chép của VOC nêu trên, có lẽ không cần phải bàn về vấn đề niên đại của gốm Việt Nam xuất khẩu giai đoạn này, vì chúng được ghi chép rất rõ ràng là trong khoảng thời gian ít nhất từ năm 1634 đến năm 1681. Tuy nhiên, những phát hiện của khảo cổ học tại Nhật Bản hay tại Việt Nam hiện còn đưa ra những bằng chứng về niên đại sớm muộn khác nhau. Nhiều ý kiến xếp niên đại những đồ gốm này nằm trong khoảng thời gian từ khoảng giữa thế kỷ XII đến đầu thế kỷ XVIII. Một số ý kiến khác cho rằng, gốm Việt Nam xuất sang Nhật trong thế kỷ XVII chủ yếu là sau giai đoạn chính phủ bế quan tỏa cảng, tức là sau năm 1639 (*Morimoto Asako, 1993*).

Về cơ bản, có thể đồng ý với quan điểm thứ hai. Khi trực tiếp nghiên cứu những sưu tập đồ gốm đào được tại các di tích Kanaya, Kozen, Buyousho, Sakae ở Nagasaki, thấy rõ có một hiện tượng cần lưu ý là, phần nhiều những đồ gốm Việt Nam xuất khẩu nói trên thường được tìm thấy cùng với đồ sứ Hizen. Ngay tại các di tích khảo cổ học ở Việt Nam, như Tràng Tiền Plaza, Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội), Lam Kinh (Thanh Hóa) khi khai quật cũng thấy có hiện tượng tương tự như vậy (*Bùi Minh Trí, Nguyễn Văn Hùng, 2006*). Hiện tượng này cho phép suy luận rằng, đồ gốm Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản cơ bản có cùng niên đại với đồ gốm Hizen, chính xác nằm trong khoảng năm 1650 - 1690. Tuy nhiên, những loại đồ gốm này chủ yếu bao gồm các loại bát nhỏ in bông hoa cúc hay vẽ cảnh lá đơn giản. Còn đối với các loại đồ gốm dùng trong trà đạo, như bát vẽ chuồn chuồn, vẽ tôm hay các loại đĩa vẽ rồng, cánh diều nêu trong bài viết này thì nó có niên đại sớm hơn. Những đồ gốm này có lẽ đã được các thương nhân Nhật Bản mua về trước khi cánh cửa ngoại thương khép kín, giống như trường hợp Ozwa Shirozaemon nêu trên.

Trước đây, tôi đã từng bản khoản khi xếp loại bát nhỏ in bông cúc trong khung



niên đại nửa cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, với suy nghĩ về tính truyền thống kéo dài. Nhưng bây giờ với nhiều nguồn tư liệu mới tin cậy, tôi đã tự điều chỉnh và xếp nó trong khung niên đại khoảng từ giữa đến cuối thế kỷ XVII (*Bùi Minh Trí, Kerry-Nguyên Long, 2001; Bùi Minh Trí, 2005*). Đồng thời qua nghiên cứu so sánh, có thể đưa ra kết luận rằng, sự xâm nhập của đồ gốm sứ Bắc Việt Nam trên thị trường không tồn tại được lâu, chủ yếu diễn ra trong khoảng thế kỷ XVII và cơ bản chấm dứt vào cuối thế kỷ này, vì hai nguyên nhân chính sau:

*Thứ nhất*, cho đến khoảng năm 1680, nhất là sau khi dẹp được thế lực họ Trịnh, các xưởng sản xuất đồ sứ Trung Quốc lấy lại được phong độ, phục hồi sản xuất và nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu đồ sứ sang Châu Á và Châu Âu. Thời kỳ này, bên cạnh đồ sứ vẽ lam, Trung Quốc bắt đầu sản xuất rất nhiều loại gốm vẽ màu (tam thái, ngũ thái), với những sản phẩm sang trọng, đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu. Thói quen uống trà, cà phê, sôcôla trở nên ngày càng phổ biến và lan rộng khắp Châu Âu đã khuyến khích Trung Quốc sản xuất nhiều bình đựng đồ uống, nhiều đồ sứ đồng bộ trang trí theo phong cách Châu Âu. Từ đây, đồ sứ Trung Quốc đã hoàn toàn kiểm soát được thị trường.

*Thứ hai*, vào cuối thế kỷ XVII, việc buôn bán của người Hà Lan tại Việt Nam cũng đã bị giảm sút. Nguyên nhân là từ sau khi cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn chấm dứt (năm 1672), chúa Trịnh tỏ thái độ lạnh nhạt với Hà Lan, nên việc buôn bán trở nên khó khăn hơn, lại thêm sự cạnh tranh với các lái buôn phương Tây khác, đặc biệt là người Anh. Năm 1700, VOC đã quyết định đóng cửa vĩnh viễn hai thương điểm ở Phố Hiến và Thăng Long. Trước đó, năm 1697, thương điểm của người Anh ở Thăng Long cũng đã đóng cửa.

### 5. Thay lời kết

Sau khi khai thông tuyến đường thương mại trên biển sang khu vực Châu Á, quan hệ mậu dịch đồ gốm sứ trong khu vực và với phương Tây đã có bước tiến vượt bậc so với các giai đoạn trước đó. Sự tác động của hoạt động thương mại quốc tế đã thúc đẩy ngành công nghệ chế tạo đồ gốm sứ của Trung Quốc, Việt Nam và Nhật Bản phát triển mở rộng cả về qui mô và chất lượng sản phẩm. Nếu so sánh trong cả tiến trình lịch sử, thì sự phát triển và hưng thịnh của các trung tâm sản xuất gốm ở Bắc Việt Nam nói riêng, Trung Quốc hay Nhật Bản nói chung, thường tỷ lệ thuận với lịch sử phát triển của nền thương mại biển Châu Á. Điều này cho thấy rõ những tác động lớn lao của thị trường đến tình hình sản xuất gốm tại chính quốc và khu vực thời bấy giờ.

Dựa vào ghi chép đương thời và bằng chứng của khảo cổ học qua đồ gốm sứ thương mại có thể thấy, nền kinh tế của Đại Việt thời kỳ này khá phát triển bởi sự hưng thịnh của các cảng thị ven biển. Trong suốt lịch sử giao thương biển, gốm Việt Nam được đưa vào thị trường quốc tế trong bối cảnh thiếu hụt của đồ sứ Trung Quốc và phần lớn đều qua tay các lái buôn nước ngoài. Các thương lái này đã đóng vai trò làm nhịp cầu nối giữa nội địa với bên ngoài, giữa Việt Nam và các nước trong khu vực. Bởi vì, qua ký sự đương thời, chúng ta không thấy có sự tham gia trực tiếp của các thương nhân Đại Việt. Dường như sử cũ cũng không có ghi chép về chuyến hàng nào của thương nhân Đại Việt ra nước ngoài. Các thương nhân Đại Việt có lẽ chủ yếu đóng vai trò làm môi giới và trung chuyển hàng hóa trong thị trường nội hạt.

Có thể kết luận rằng, thế kỷ XVII đánh dấu sự phát triển hưng thịnh của nền mậu dịch hàng hải quốc tế, nhưng cũng là chương kết, đánh dấu sự khép lại của lịch sử xuất khẩu đồ gốm sứ Việt Nam trong hoạt động thương mại biển Châu Á./.

**BẢNG 1: Gốm sứ Bắc Việt Nam xuất khẩu năm 1663-1681**

**1. Sang Batavia (Indônêxia):**

Tháng/năm	Tên và số lượng tàu/thuyền	Số lượng/Loại hàng
03/1663	01 thuyền	10.000 chén gốm sứ thô
03/1664	02 thuyền	120.000 chén cỡ trung bình
03/1666	02 thuyền	60.000 chén thô
02/1667	Tàu <i>Zevenster</i>	30.000 chén thô
05/1668	01 tàu	40.000 chén thô
01/1669	Tàu <i>Overveen</i> (Hà Lan)	381.200 chén
04/1669	01 thuyền Trung Quốc	70.000 chén
11/1669	Tàu <i>Pitoor</i> (Hà Lan)	177.240 chén
02/1670	02 thuyền	95.000 chén loại thô
03/1670	01 thuyền Trung Quốc	Chở hàng gốm sứ thô Đàng Ngoài
11/1670	Tàu <i>Pitoor</i> (Hà Lan)	214.160 đồ gốm Đàng Ngoài trị giá 2.650 guilders 4,10 stuivers
04/1672	01 thuyền	5.000 cốc
01/1675	01 thuyền Trung Quốc	Chở hàng gốm sứ Đàng Ngoài
03/1675	01 thuyền	30.000 chén thô
07/1678	01 thuyền	100.740 tiêu bản và 8 sọt gốm các loại
01/1680	01 thuyền	85.000 chén gốm thô
1681	01 thuyền Trung Quốc từ Batavia	120.000 chén
<i>Tổng cộng</i>		<b>1.538.340 đồ gốm</b>

**2. Sang các địa điểm khác:**

Tháng/năm	Tên và số tàu/thuyền	Điểm đến	Ghi chú
02/1669	01 thuyền TQ	Banten	Một số gốm sứ
02/1674	01 thuyền TQ	Xiêm (Thái Lan)	90.000 chén
02/1680	Tàu <i>Advice</i> (Anh)	Banten	Gốm sứ thô Đàng Ngoài
02/1681	Tàu <i>Societeyt</i> (Anh)	Anh	Gốm sứ thô Đàng Ngoài

**BẢNG 2: Tái xuất khẩu đồ gốm sứ Bắc Việt Nam, 1670-1681**

Năm	Tên tàu	Điểm đi	Điểm đến	Ghi chú
6/1670	3 thuyền	Batavia	Westkust	Gốm sứ trị giá 168 rds
1670	1 thuyền	Batavia	Amboina	8.000 chén
1670	1 thuyền	Batavia	Banda	89.391 chén
1670	1 thuyền	Batavia	Timor	Gốm sứ trị giá 30 rds
10/1671	1 thuyền	Batavia	Gresik	Gốm sứ trị giá 30 rds
1671	Tàu Hà Lan <i>Cabeljiauw</i>	Batavia	Palembang	89.000 chén, 30.000 ngói lợp
7/1672	1 thuyền	Batavia	Banjer	Chén trị giá 40 rds
7/1672	1 thuyền	Batavia	Pakalongen	Chén trị giá 40 rds
8/1672	1 thuyền	Batavia	Aracan	Chén trị giá 680 rds
1681	1 tàu Anh	Batavia	Anh	Một số đồ gốm Đàng Ngoài

Nguồn: Hoàng Anh Tuấn (14): Số liệu trích lược từ *Overgekomen Brieven en Papieren*; BL OIOC G/12/17; Dag-register Batavia 1624-1682; Volker, Porcelain.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Alexander Hamilton 1995: *A new Account of the East-Indies being the observations and remarks of capt. Alexander Hamilton from the year 1688-1723*, Vol II, Asian Educational Services New Delhi, p.214.
2. Bùi Minh Trí 1994a: "Đôi điều suy nghĩ về gốm sứ thời Lê qua một số trung tâm gốm ở tỉnh Hải Hưng", *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*, tr. 298-300.
3. Bùi Minh Trí 1994b: "Thương cảng Thanh Hà", *Huế xưa và nay*, Số 4, tr. 84-93.
4. Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân 1994: "Gốm Hizen - Nhật Bản tìm thấy ở một số di tích khảo cổ học Việt Nam", *Khảo cổ học*, Số 4, tr. 34-51.
5. Bùi Minh Trí 1995: "Các trung tâm gốm thời Lê trên đất Hải Dương", *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*, tr. 250-252.
6. Bùi Minh Trí, Kerry Nguyễn - Long 2001: *Vietnamese Blue and White Ceramics*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Bùi Minh Trí 2001: "*Gốm Hợp Lễ trong phức hợp gốm sứ thời Lê*", Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Tư liệu Viện Khảo cổ học.
8. Bùi Minh Trí 2003: "Tìm hiểu ngoại thương Việt Nam qua Con đường gốm sứ trên biển", *Khảo cổ học*, Số 5, tr. 49-74.
9. Bùi Minh Trí 2005: "Gốm sứ cổ Việt Nam: vấn đề niên đại và nguồn gốc", *Một thế kỷ Khảo cổ học Việt Nam*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 390-407.
10. Bùi Minh Trí, Nguyễn Văn Hùng 2006: The discovery of a Lê - period settlement site on the eastern side of Thăng Long Citadel, through the results of an excavation at Tràng Tiền Business Centre (Trang Tien Plaza), *Viet Nam Archaeology*, Number 1-2006, pp.73-80.
11. Cortesao, A. 1980: *The Sumatra Oriental of Tome Piers*, Vol. 1, Hakluyt Society, London.
12. Dampier, 1909: "*Một chuyến đi Đàng Ngoài 1688*", Un voyage an Tokin en 1688.
13. Đỗ Bang 1996: *Phố cảng vùng Thuận Quảng*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
14. Hoàng Anh Tuấn 2007: "Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức", trong *Đông Nam Á truyền thống và hội nhập*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 153-174.
15. *Hizen Wares Abroad* 1990, Kyushu Ceramic Museum, Japan.
16. John Stevenson and John Guy 1997: *Vietnamese Ceramics: A Separate Tradition*, Art Media Resources, Chicago.
17. Kin Seiki 1999: "*Mậu dịch với Đông Nam Á của vương quốc Ryukyu (Liu Cầu) và đồ sứ Việt Nam phát hiện được ở Okinawa*", Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "*Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ*", Hà Nội, tháng 12-1999.
18. Morimoto Asako 1993: "Vietnamese Trade Ceramics - A Study Based on Archaeological Data from Japan", *The Journal of Sophia Asian Studies*, No. 11, pp. 47-73.
19. Morimoto Asako 1996: "Về đồ gốm xuất khẩu của Việt Nam đào được ở Nhật Bản và xuất xứ của những sản phẩm này", *Mỹ thuật* (Thành phố Hồ Chí Minh), số 16-17, tr. 50-52.
20. Mori Tsuyshi 1999: "Gốm sứ Việt Nam qua cuộc điều tra khai quật khảo cổ ở Osaka", Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "*Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ*", Hà Nội, tháng 12-1999.
21. *Namban and Shimamono: Exported Southeast Asian Ceramics for Japan 16th - 17th century*, Nezu Institute of Fine Arts, Tokyo, 1993.
22. Ogiura Masayoshi 1999: "Gốm sứ Việt Nam qua cuộc điều tra khảo cổ ở Nagasaki", Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "*Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ*", Hà Nội, tháng 12/1999.
23. Ohashi Koji and Sakai Takashi 1999: "Ceramics from the Site of Banten in Indonesia", *Bulletin of the National Museum of Japanese History*, Vol. 82(March).
24. Phạm Quốc Quân, Bùi Minh Trí 1999: "Gốm sứ Trung Quốc và Nhật Bản phát hiện trong các mộ Mường", Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "*Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ*", tháng 12-1999, Hà Nội.
25. Tatsuo Sasaki 1991: "Vietnamese, Thai, Chinese, Iraqi and Iranian ceramics from the 1988 sounding at Julfar", Offprint from *AL-afidàn*, Vol. XII, 1991, pp. 205-216.
26. Tsuzuki Shinichiro 1999: "Gốm sứ Việt Nam khai quật từ di chỉ hào thành Sakai", Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "*Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ*", Hà Nội, tháng 12-1999.
27. Volker, T., 1954: Porcelain and the Dutch East India Company as Recorded in the Dagh-Registers of Batavia Castle, those of Hirado and Deshima and other Contemporary Papers 1602-1682, E.J. Brill, Leide.
28. Volker, T., 1971: *Porcelain and the Dutch East India Company*, Leiden, E. J. Brill.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Alexander Hamilton 1995: *A new Account of the East-Indies being the observations and remarks of capt. Alexander Hamilton from the year 1688-1723*, Vol II, Asian Educational Services New Delhi, p.214.
2. Bùi Minh Trí 1994a: "Đôi điều suy nghĩ về gốm sứ thời Lê qua một số trung tâm gốm ở tỉnh Hải Hưng", *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*, tr. 298-300.
3. Bùi Minh Trí 1994b: "Thương cảng Thanh Hà", *Huế xưa và nay*, Số 4, tr. 84-93.
4. Bùi Minh Trí, Phạm Quốc Quân 1994: "Gốm Hizen - Nhật Bản tìm thấy ở một số di tích khảo cổ học Việt Nam", *Khảo cổ học*, Số 4, tr. 34-51.
5. Bùi Minh Trí 1995: "Các trung tâm gốm thời Lê trên đất Hải Dương", *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1995*, tr. 250-252.
6. Bùi Minh Trí, Kerry Nguyễn - Long 2001: *Vietnamese Blue and White Ceramics*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Bùi Minh Trí 2001: "Gốm Hợp Lễ trong phức hợp gốm sứ thời Lê", Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Tư liệu Viện Khảo cổ học.
8. Bùi Minh Trí 2003: "Tìm hiểu ngoại thương Việt Nam qua Con đường gốm sứ trên biển", *Khảo cổ học*, Số 5, tr. 49-74.
9. Bùi Minh Trí 2005: "Gốm sứ cổ Việt Nam: vấn đề niên đại và nguồn gốc", *Một thế kỷ Khảo cổ học Việt Nam*, Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 390-407.
10. Bùi Minh Trí, Nguyễn Văn Hùng 2006: The discovery of a Lê - period settlement site on the eastern side of Thăng Long Citadel, through the results of an excavation at Trảng Tiền Business Centre (Trang Tien Plaza), *Viet Nam Archaeology*, Number 1-2006, pp.73-80.
11. Cortesao, A. 1980: *The Sumatra Oriental of Tome Piers*, Vol. 1, Hakluyt Society, London.
12. Dampier, 1909: "Một chuyến đi Đàng Ngoài 1688", Un voyage an Tokin en 1688.
13. Đỗ Bang 1996: *Phố cảng vùng Thuận Quảng*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
14. Hoàng Anh Tuấn 2007: "Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức", trong *Đông Nam Á truyền thống và hội nhập*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 153-174.
15. *Hizen Wares Abroad* 1990, Kyushu Ceramic Museum, Japan.
16. John Stevenson and John Guy 1997: *Vietnamese Ceramics: A Separate Tradition*, Art Media Resources, Chicago.
17. Kin Seiki 1999: "Mậu dịch với Đông Nam Á của vương quốc Ryukyu (Liu Cầu) và đồ sứ Việt Nam phát hiện được ở Okinawa", Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ", Hà Nội, tháng 12-1999.
18. Morimoto Asako 1993: "Vietnamese Trade Ceramics - A Study Based on Archaeological Data from Japan", *The Journal of Sophia Asian Studies*, No. 11, pp. 47-73.
19. Morimoto Asako 1996: "Về đồ gốm xuất khẩu của Việt Nam đào được ở Nhật Bản và xuất xứ của những sản phẩm này", *Mỹ thuật* (Thành phố Hồ Chí Minh), số 16-17, tr. 50-52.
20. Mori Tsuyshi 1999: "Gốm sứ Việt Nam qua cuộc điều tra khai quật khảo cổ ở Osaka", Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ", Hà Nội, tháng 12-1999.
21. *Namban and Shimamono: Exported Southeast Asian Ceramics for Japan 16th - 17th century*, Nezu Institute of Fine Arts, Tokyo, 1993.
22. Ogiura Masayoshi 1999: "Gốm sứ Việt Nam qua cuộc điều tra khảo cổ ở Nagasaki", Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ", Hà Nội, tháng 12/1999.
23. Ohashi Koji and Sakai Takashi 1999: "Ceramics from the Site of Banten in Indonesia", *Bulletin of the National Museum of Japanese History*, Vol. 82(March).
24. Phạm Quốc Quân, Bùi Minh Trí 1999: "Gốm sứ Trung Quốc và Nhật Bản phát hiện trong các mộ Mường", Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ", tháng 12-1999, Hà Nội.
25. Tatsuo Sasaki 1991: "Vietnamese, Thai, Chinese, Iraqi and Iranian ceramics from the 1988 sounding at Julfar", Offprint from *AL-Āfidān*, Vol. XII, 1991, pp. 205-216.
26. Tsuzuki Shinichiro 1999: "Gốm sứ Việt Nam khai quật từ di chỉ hào thành Sakai", Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XV-XVII qua giao lưu gốm sứ", Hà Nội, tháng 12-1999.
27. Volker, T., 1954: *Porcelain and the Dutch East India Company as Recorded in the Dagh-Registers of Batavia Castle*, those of Hirado and Deshima and other Contemporary Papers 1602-1682, E.J. Brill, Leide.
28. Volker, T., 1971: *Porcelain and the Dutch East India Company*, Leiden, E. J. Brill.